



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Tiến Thịnh

Ngày 31/12/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.0%	4.5%	11.3%

DT thuần Q4/25
65.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.0 -13.2%
YoY: ▼93.2 -58.6%

LN thuần Q4/25
2.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.52 -72.6%
YoY: ▼8.03 -76.5%

LN sau thuế Q4/25
2.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.21 -72.7%
YoY: ▼7.60 -76.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
10.6%
YoY: +/-▲ 2.9%

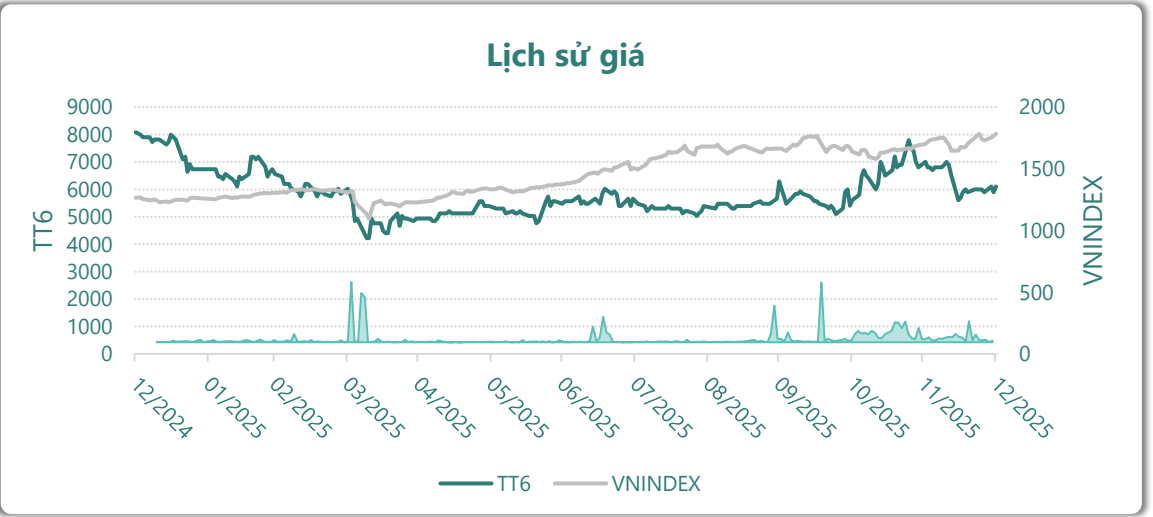
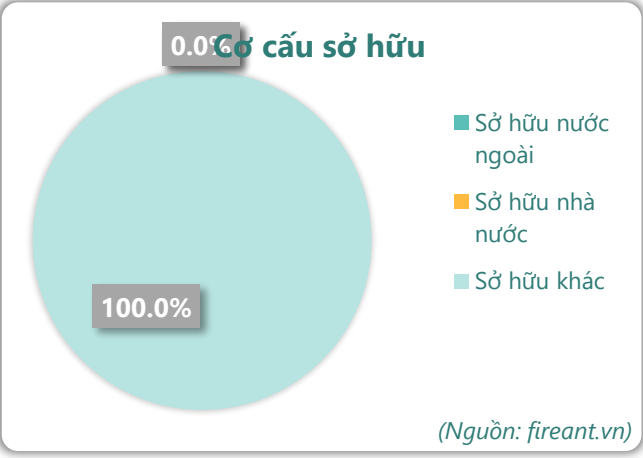
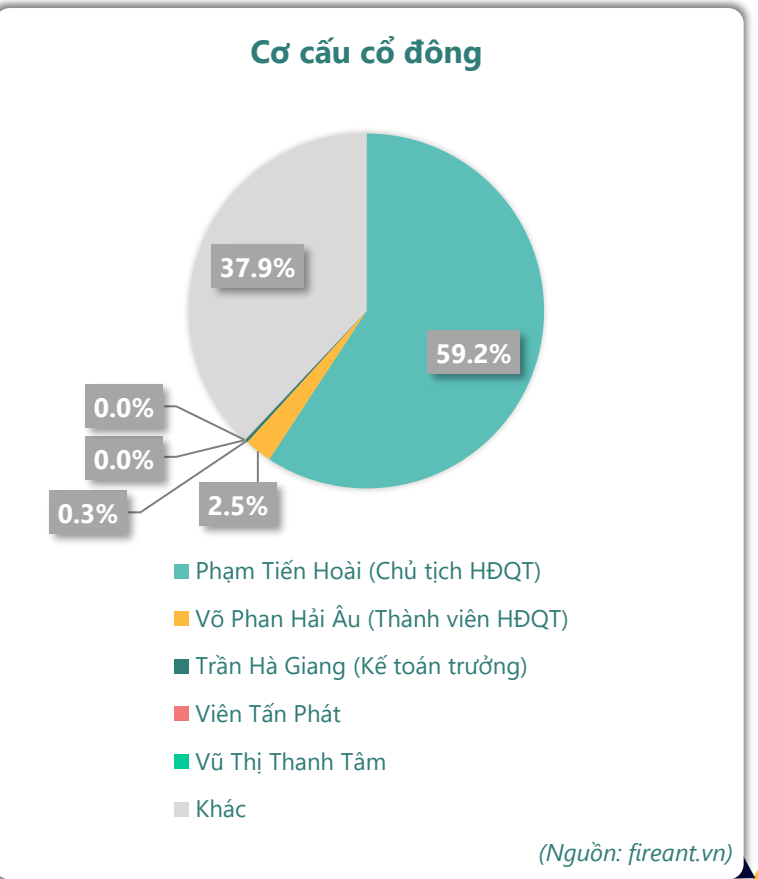
ROE 2025
7.3%
YoY: +/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,222 - 8,085
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
Số lượng CPLH (CP)	22,805,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,355
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.51
EPS	774
P/E	7.9

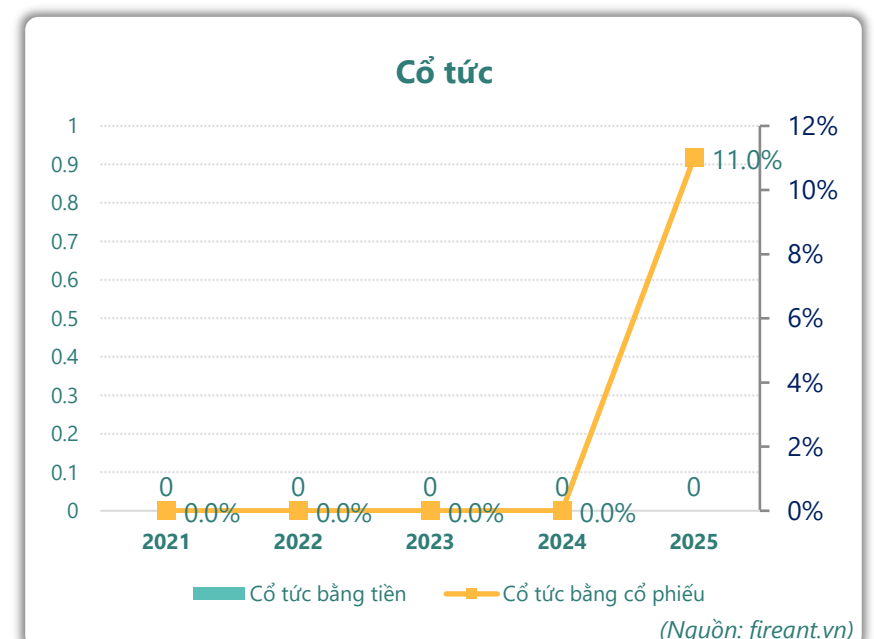
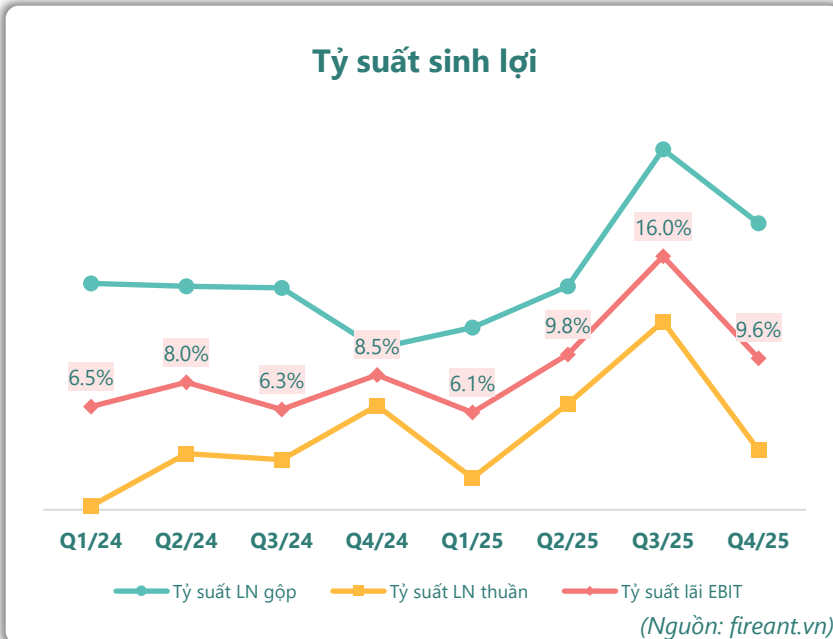
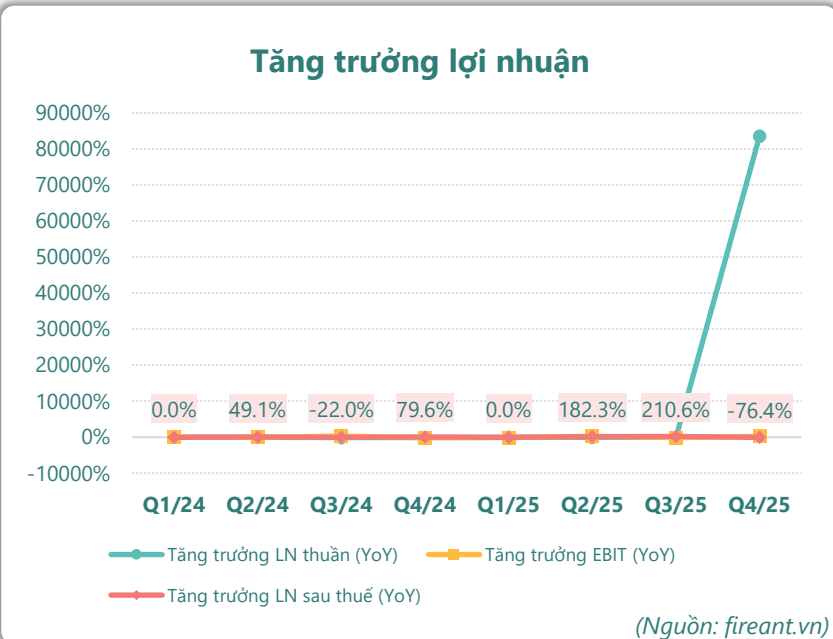
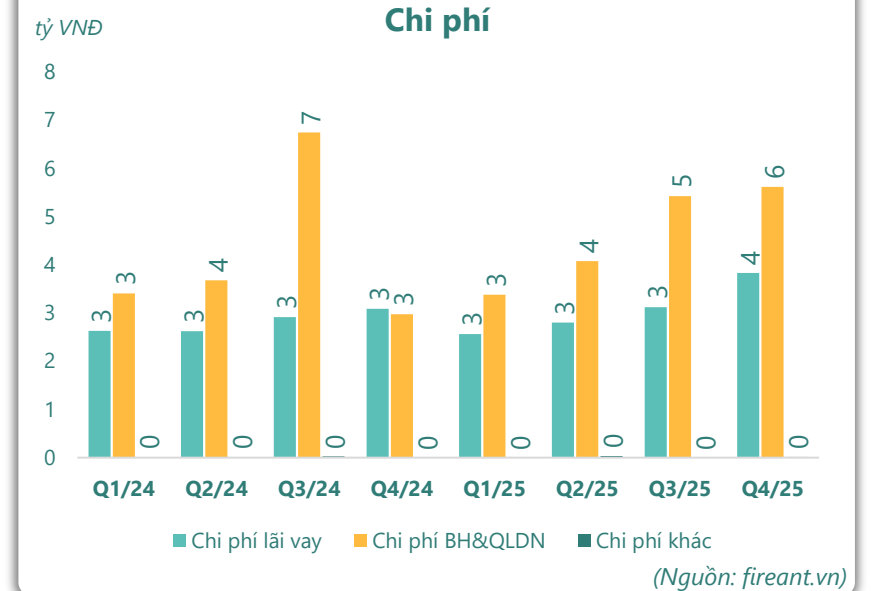
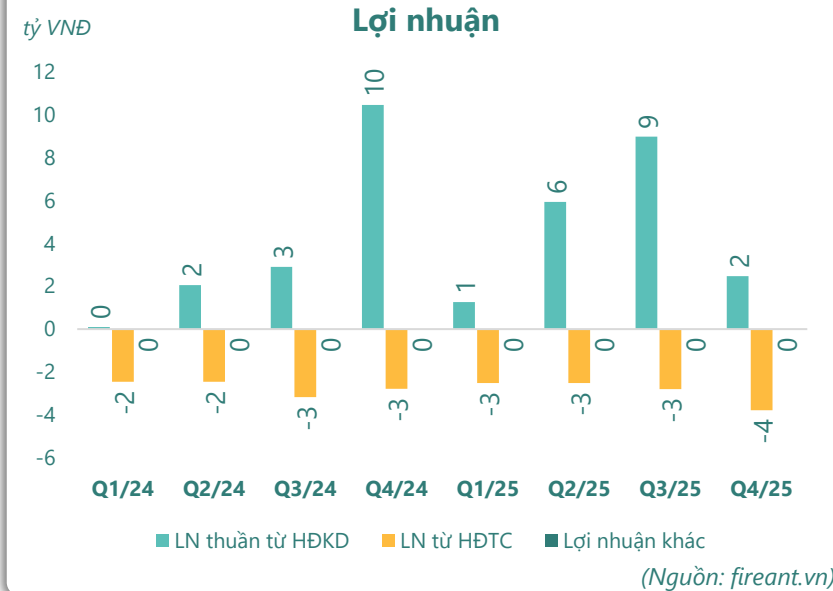
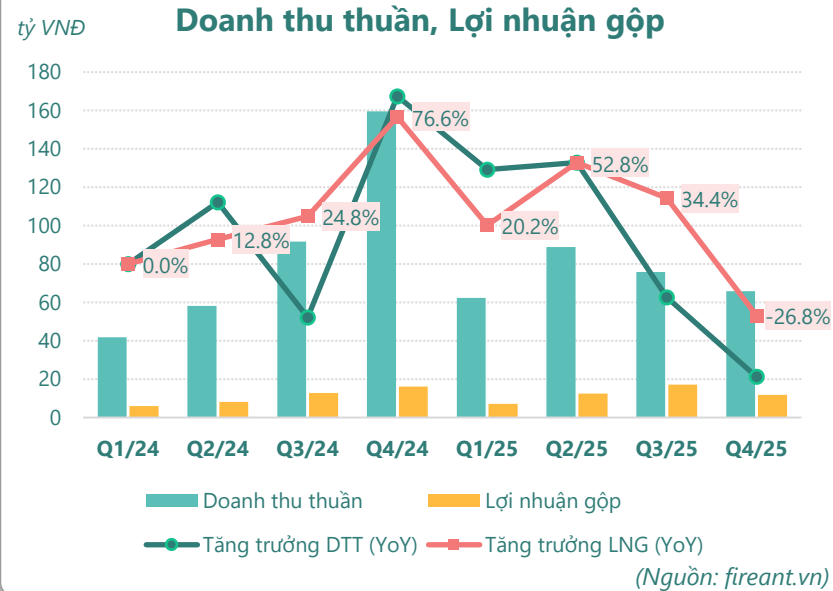
DT thuần 2025
293
tỷ VNĐ
YoY: ▼58.0 -16.6%

LN thuần 2025
18.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.10 20.1%

LN sau thuế 2025
17.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 20.1%



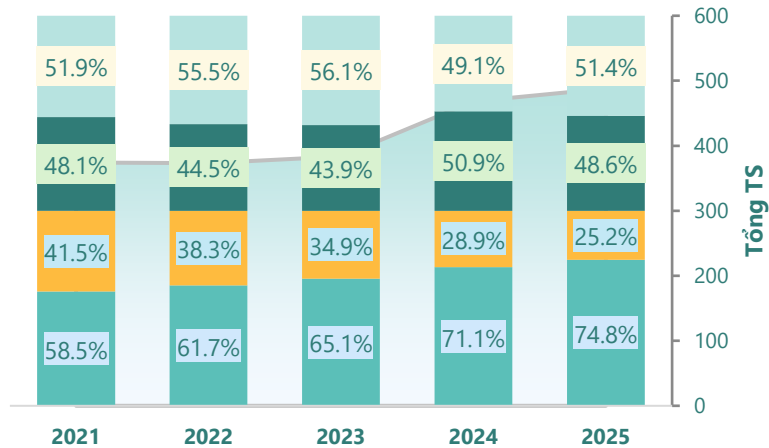
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

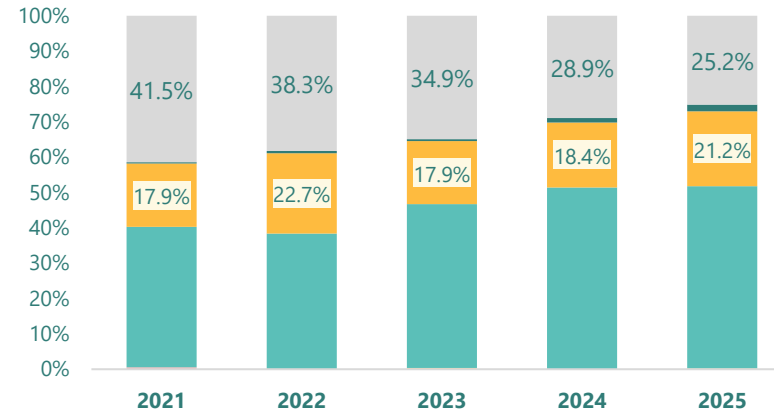
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

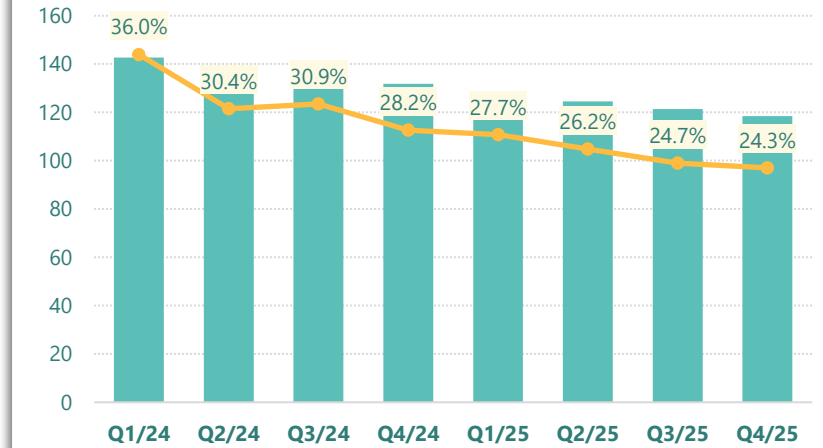


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

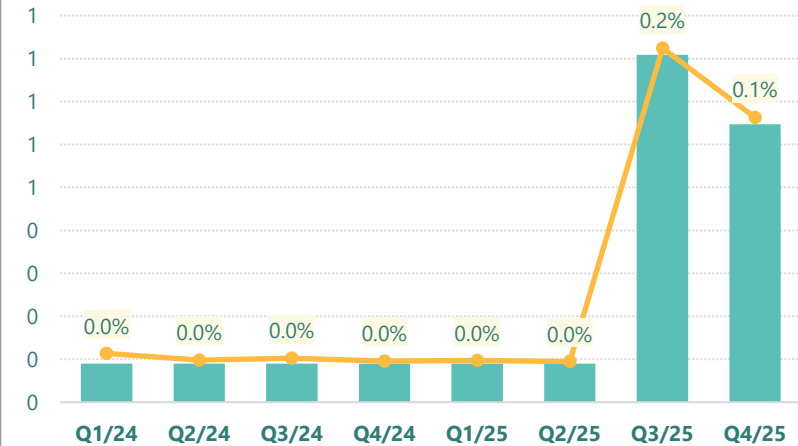


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

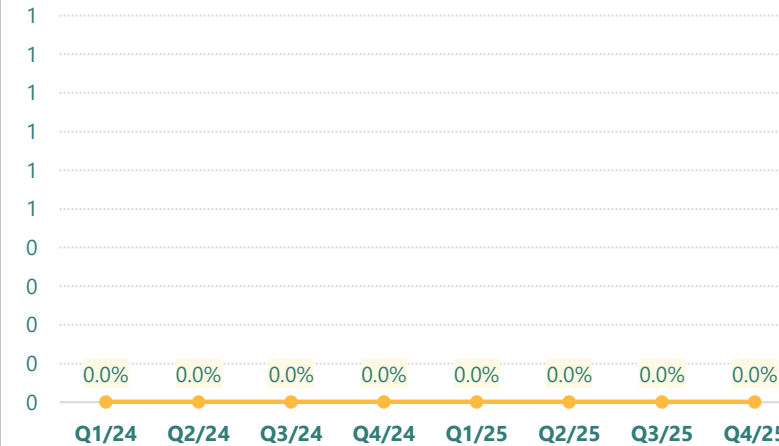


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

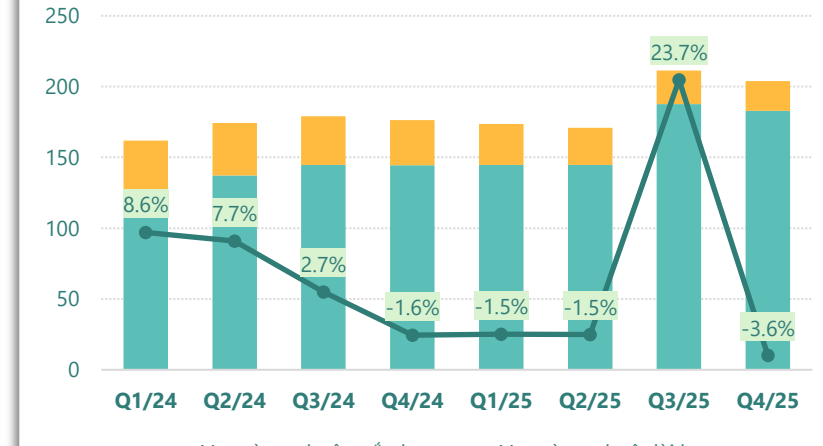


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

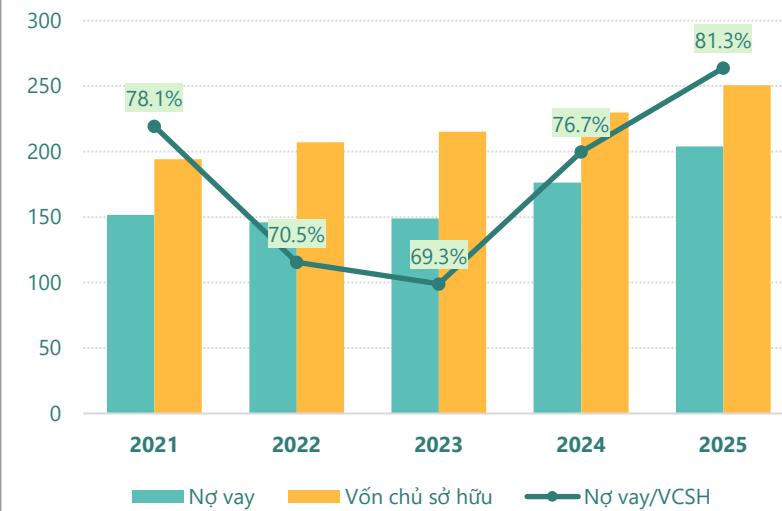
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

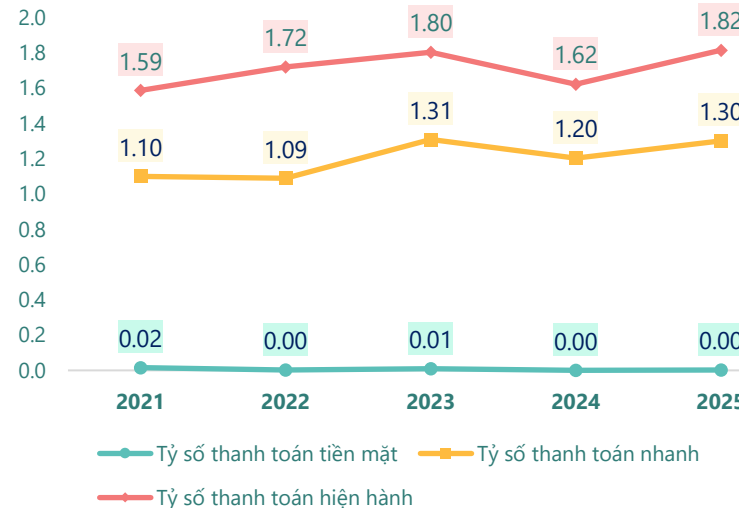
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



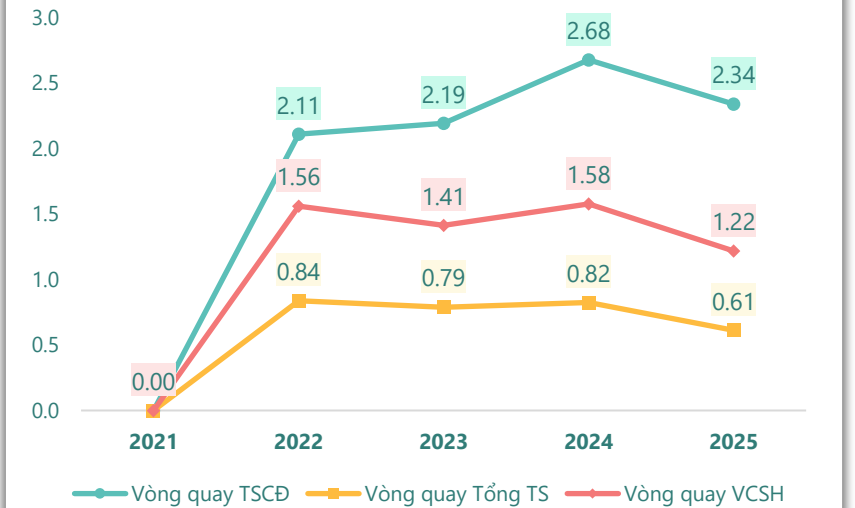
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



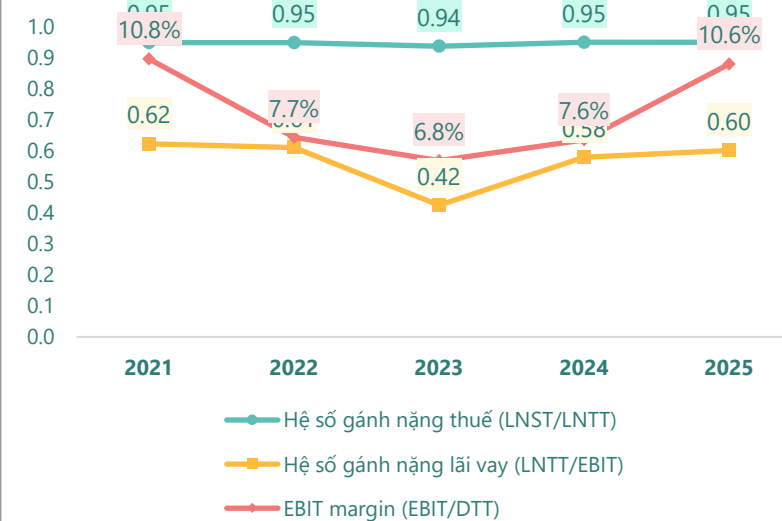
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



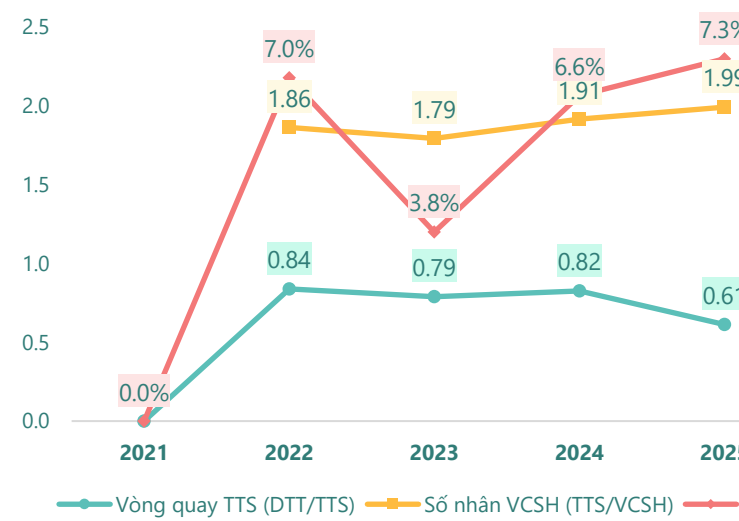
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



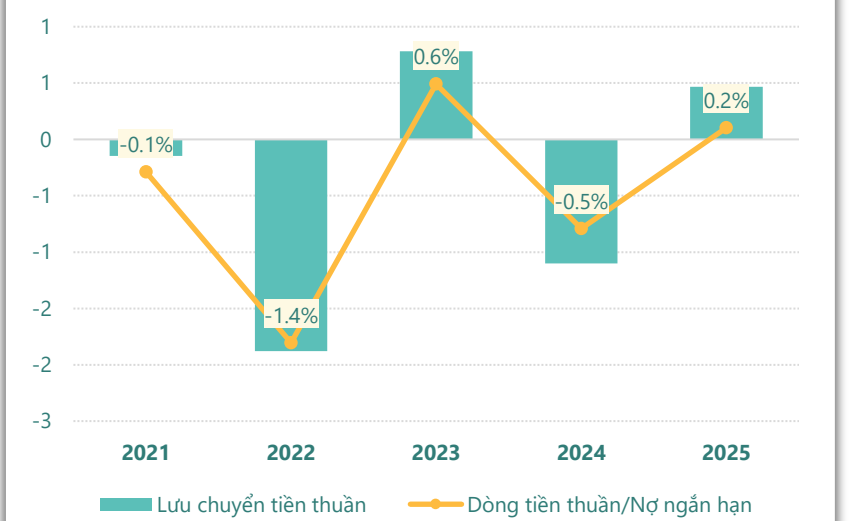
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	65.8	159	-58.6%	293	351	-16.6%
Giá vốn hàng bán	53.9	143	-62.3%	244	308	-20.7%
Lợi nhuận gộp	11.9	16.2	-26.7%	48.8	43.2	12.9%
Doanh thu HĐTC	0.23	0.34	-33.6%	1.13	0.99	14.9%
Chi phí TC	4.02	3.13	28.3%	12.8	11.8	7.7%
Chi phí lãi vay	3.83	3.09	24.1%	12.3	11.3	9.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.37	1.40	141%	8.64	7.40	16.8%
Chi phí QLDN	2.25	1.57	43.4%	9.85	9.41	4.7%
LN thuần từ HĐKD	2.47	10.5	-76.5%	18.6	15.5	20.1%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00		-0.05	-0.05	-4.4%
LN trước thuế	2.45	10.5	-76.6%	18.6	15.5	20.2%
Lợi nhuận sau thuế	2.33	9.93	-76.5%	17.7	14.7	20.1%
LNST của CĐ cty mẹ	2.33	9.93	-76.5%	17.7	14.7	20.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.55	1.44	2.59	2.62	-40.2	6.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-1.06	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.71	-2.80	-2.60	-2.63	41.4	-5.46
Tiền đầu kỳ	2.29	1.45	0.08	0.07	0.06	0.20
Lưu chuyển tiền thuần	-0.84	-1.37	-0.01	-0.02	0.14	0.35
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	1.45	0.08	0.07	0.06	0.20	0.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	488	468	4.2%
Tài sản ngắn hạn	365	333	9.7%
Tiền và tương đương tiền	0.56	0.08	579%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.12	0.11	4.6%
Phải thu ngắn hạn	252	241	4.7%
Hàng tồn kho	103	86.2	19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	9.20	5.98	54.0%
Tài sản dài hạn	123	135	-9.3%
Phải thu dài hạn	0.04	0	
Tài sản cố định	118	132	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.65	0.09	619%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.69	3.41	8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	237	238	-0.5%
Nợ ngắn hạn	201	205	-2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	145	26.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	13.1	-5.7%
Nợ dài hạn	36.2	33.3	8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.1	31.7	-33.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	230	9.0%
Vốn chủ sở hữu	251	230	9.0%
Vốn điều lệ	228	205	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

